

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Bản án số: 30/2020/HS-ST  
Ngày 08-5-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đức Lập

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Huy Hoàng

Bà Nguyễn Thị Linh Chi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thu Hằng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Phúc Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 13/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2020 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 176/TB-TA ngày 21 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Bùi Trắc D**, giới tính: Nam; sinh năm: 1968 tại Hải Phòng; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn VC, xã VP, huyện CH, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Trắc A (đã chết) và bà Vũ Thị T, sinh năm 1935; vợ là Phạm Thị B, sinh năm 1970; có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2000; nhân thân: có 01 tiền án tại Bản án số 07/2013/HSPT ngày 10/01/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Tổ chức đánh bạc (Đã xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019, chuyển tạm giam ngày 01/11/2019; có mặt.

**2. Trần Thị Ng**, giới tính: Nữ; sinh năm: 1974 tại Quảng Ninh; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Số 01 khu YTr, xã YTh (nay là phường YTh), thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Thân Thị G, sinh năm: 1944; chồng là Nguyễn Văn L, sinh năm 1971; có 03 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019, đến ngày 01/11/2019 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

**3. Nguyễn Văn N**, giới tính: Nam; sinh năm: 1982 tại Quảng Ninh; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn CL, xã CL, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Lê Thị L (đã chết); vợ là Lê Thị M,

sinh năm 1988 (đã ly hôn năm 2017); có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: chưa; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019, chuyển tạm giam ngày 01/11/2019; có mặt.

**4. Phạm Thị V**, giới tính: Nữ; sinh năm: 1962 tại Hải Phòng; nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn NT, xã NL, huyện CH, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Ngô Thị Q, sinh năm 1935; chồng là Nguyễn Văn H, sinh năm 1959; có 02 con, con lớn sinh năm 1982, con nhỏ sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: chưa; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019, đến ngày 01/11/2019 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

**5. Nguyễn Thị O**, giới tính: Nữ; sinh năm: 1966 tại Quảng Ninh; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn LX1, xã HTT, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1940; chồng là Tô Trọng V, sinh năm 1954; có 4 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: chưa; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019, chuyển tạm giam ngày 01/11/2019; có mặt.

**6. Nguyễn Thị Kim T**, giới tính: Nữ; sinh năm: 1982 tại Quảng Ninh; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Tổ 6, khu VP, phường MK, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim N, sinh năm 1942 và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1941; chồng là Phan Đức D, sinh năm 1982 (đã ly hôn năm 2012); có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: chưa; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019, đến ngày 01/11/2019 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

**7. Nguyễn Thị X**, giới tính: Nữ; sinh năm: 1963 tại Hải Phòng; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Tổ dân phố 14, thị trấn CB, huyện CH, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1933 (đã chết) và bà Lưu Thị G, sinh năm 1933 (đã chết); chồng là Nguyễn Văn H (đã chết); có 02 con, con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1983; tiền án, tiền sự: chưa; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019, đến ngày 01/11/2019 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

**8. Luyện Viết D**, giới tính: Nam; sinh năm: 1967 tại Hưng Yên; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn LT, xã LX, huyện YM, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Luyện Viết T, sinh năm 1942 và bà Lưu Thị H (đã chết); vợ là Nguyễn Thị P, sinh năm 1971; có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: chưa; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019, đến ngày 01/11/2019 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

**9. Trịnh Thị C**, giới tính: Nữ; sinh năm: 1963 tại Hải Phòng; nơi ĐKNKTT và nơi ở: số 65 khu dân cư PX, phường ĐH1, quận HA, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao

động tự do; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn G (đã chết) và bà Trịnh Thị C (đã chết); chồng là Lê Văn H, sinh năm 1958; có 03 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: chưa; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019, đến ngày 01/11/2019 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

**10. Đoàn Thị H**, giới tính: Nữ; sinh năm: 1969 tại Hải Phòng; nơi ĐKNKTT và nơi ở: PX 2, phường ĐH 1, quận HA, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn C (đã chết) và bà Trần Thị H, sinh năm 1945; chồng là Phạm Thanh H, sinh năm 1964 (đã ly hôn); có 03 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: chưa; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019, đến ngày 01/11/2019 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

**11. Nguyễn Văn M**, giới tính: Nam; sinh năm: 1960 tại Hải Phòng; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Số 52 HL, thị trấn ND, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1940; vợ là Nguyễn Thị T2, sinh năm 1960; có 02 con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: chưa; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019, đến ngày 01/11/2019 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

**12. Đỗ Văn T**, giới tính: Nam; sinh năm: 1960 tại Hải Phòng; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn NT, xã NL, huyện CH, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn L (đã chết) và bà Vũ Thị H (đã chết); vợ là Phạm Thị M, sinh năm 1956; có 01 con sinh năm 1992; có 04 tiền sự:

- Ngày 24/7/2008, Công an huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc (đã được xóa);

- Ngày 22/12/2012, Công an huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc (đã được xóa);

- Ngày 13/12/2013, Công an huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc (đã được xóa);

- Ngày 29/3/2016, Công an huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gá bạc (đã được xóa);

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019, chuyển tạm giam ngày 01/11/2019; có mặt.

**13. Vũ Văn L**, giới tính: Nam; sinh năm: 1974 tại Quảng Ninh; nơi ĐKNKTT và nơi ở: xóm 2, xã SK, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1949; vợ là Đinh Thị T, sinh năm 1976; có 03 con, con lớn sinh năm 1996; con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: chưa; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019, đến ngày 01/11/2019 chuyển tạm giam; có mặt.

**14. Trần Minh Đ**, giới tính: Nam; sinh năm: 1971 tại Hải Dương; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Thôn XK, xã ĐC, huyện CG, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); vợ là Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1979; có 04 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: chưa; bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019, chuyển tạm giam ngày 01/11/2019; có mặt.

**15. Phạm Đại N**, giới tính: Nam; sinh năm: 1980 tại Nam Định; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Số 18/534 TL, phường VN, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K, sinh năm 1954 và con bà Đỗ Thị H, sinh năm 1950; vợ là Trần Thị N, sinh năm 1979; có 01 con, sinh năm 2014; có 01 tiền án tại Bản án số 697/2010/HSPT ngày 28/12/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (đã xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019, đến ngày 01/11/2019 được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

**16. Phạm Khắc Ph**, giới tính: Nam; sinh năm: 1962 tại Hải Phòng; nơi ĐKNKTT và nơi ở: Số 603 T, phường TM, quận KA, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Khắc G (đã chết) và bà Phạm Thị M (đã chết); vợ là Bùi Thị M, sinh năm 1959; có 03 con, con lớn sinh năm 1983; con nhỏ sinh năm 1987; có 02 tiền án tại Bản án số 64/STHS ngày 19/3/1996 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 02 năm tù về tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (đã xóa án tích) và Bản án số 13/2017/STHS ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng 02 ngày tù về tội “Đánh bạc” (đã xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 24/10/2019, chuyển tạm giam ngày 01/11/2019; có mặt.

*Người làm chứng:* Chị Vương Thị T và chị Đinh Thị H, đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 24/10/2019, Công an thành phố Hải Phòng bắt quả tang tại nhà Phạm Thị V địa chỉ tại thôn NT, xã NL, huyện CH, thành phố Hải Phòng một số đối tượng đang đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền, gồm: Bùi Trắc D, Trần Thị Ng, Phạm Thị V, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị X, Luyện Viết D, Trịnh Thị C, Đoàn Thị H, Nguyễn Văn M, Đỗ Văn T, Vũ Văn L, Trần Minh Đ, Phạm Đại N và Phạm Khắc Ph. Tang vật thu giữ gồm: thu trên chiếu bạc số tiền 12.840.000 đồng, thu trong thùng tẩy số tiền 50.120.000 đồng, thu trên người các đối tượng số tiền dùng để đánh bạc 11.050.000 đồng và các dụng cụ sử dụng để đánh bạc gồm: 01 bộ bát đĩa sứ bị vỡ, 04 quân vị hình tròn cắt từ quân bài tứ lơ khơ, 01 thùng tôn, 01 tấm thảm bằng vải màu đỏ hình chữ nhật, 10 ghế nhựa; thu giữ chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai County loại 29 chỗ ngồi, biển

kiểm soát 14B-032.72 mà Nguyễn Văn N sử dụng đưa đón các con bạc; thu trên người các bị cáo tổng số tiền không dùng vào việc đánh bạc là 13.500.000đ.

Quá trình điều tra đã xác định được: Từ ngày 21/10/2019, Bùi Trắc D thuê nhà của Phạm Thị V để tổ chức đánh bạc và đã trả cho V 9.000.000 đồng/3 ngày tiền thuê nhà; thuê Trần Thị Ng, Hoàng Hữu H làm nhiệm vụ giam tiền và đã trả công cho Trần Thị Ng 600.000 đồng/3 ca; thuê Nguyễn Văn N làm nhiệm vụ lái xe ô tô đưa đón các con bạc đến địa điểm đánh bạc và đã trả công cho Nguyễn Văn N 2.000.000 đồng/2 ngày. Bùi Trắc D là người trực tiếp làm bàn vị, xóc cái và quy định người thắng mỗi ván phải cắt sâu 5% để trả tiền nhà, tiền công. Ngày 24/10/2019, Bùi Trắc D mang theo 65.120.000 đồng dùng để lập thùng tẩy, để tổ chức đánh bạc (Tiền tẩy được sử dụng khi các đối tượng đánh bạc đặt tiền hai cửa chẵn lẻ không cân bằng). Bùi Trắc D đã tổ chức đánh bạc từ ngày 21/10/2019 đến ngày 24/10/2019. Chiều ngày 24/10/2019, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị X, Luyện Viết D, Trịnh Thị C, Đoàn Thị H, Nguyễn Văn M, Đỗ Văn T, Vũ Văn L, Trần Minh Đ, Phạm Đại N, Phạm Khắc Ph đến nhà V để tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì bị cơ quan Công an bắt quả tang tại nhà Phạm Thị V. Ngày 24/10/2019, Bùi Trắc D chưa trả tiền thuê nhà cho Phạm Thị V; chưa trả tiền công cho Trần Thị Ng và Nguyễn Văn N thì bị bắt giữ. Trong quá trình bắt giữ, Hoàng Hữu H đã chạy thoát.

Những người tham gia đánh bạc tại nhà Phạm Thị V cùng bị bắt quả tang ngày 24/10/2019, khai nhận: Bùi Trắc D mang theo 65.120.000 đồng dùng để lập thùng tẩy, tổ chức đánh bạc, bị thua 13.200.000 đồng, số tiền còn lại bị Cơ quan Công an thu giữ, gồm: thu trong thùng tẩy số tiền 50.120.000 đồng, thu trên người số tiền 1.800.000 đồng. Nguyễn Thị O mang theo 800.000 đồng tham gia đánh bạc và bị thua hết. Nguyễn Thị Kim T có 1.000.000 đồng tham gia đánh bạc, khi bị bắt bị thu giữ 1.550.000 đồng. Nguyễn Thị X có 1.100.000 đồng tham gia đánh bạc, bị thua 100.000 đồng, số tiền còn lại vớt lại chiếu khi bỏ chạy. Luyện Viết D có 3.000.000 đồng tham gia đánh bạc, bị thua 2.000.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ 1.000.000 đồng. Trịnh Thị C có 200.000 đồng tham gia đánh bạc, bị thua 150.000 đồng, số tiền còn lại bị rơi khi bỏ chạy. Đoàn Thị H có 300.000 đồng tham gia đánh bạc và bị thua hết. Nguyễn Văn M có 3.100.000 đồng tham gia đánh bạc, bị thua 100.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ 3.000.000 đồng. Đỗ Văn T có 800.000 đồng tham gia đánh bạc và bị thua hết. Vũ Văn L có 200.000 đồng tham gia đánh bạc và bị thua hết. Trần Minh Đ có 400.000 đồng tham gia đánh bạc bị thua 200.000 đồng, số tiền còn lại vớt lại chiếu bạc khi bỏ chạy. Phạm Đại N có 100.000 đồng tham gia đánh bạc và bị thua hết. Phạm Khắc Ph có 3.800.000 đồng tham gia đánh bạc, bị thua 100.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ 3.700.000 đồng. Phạm Thị V đã được Bùi Trắc D trả 9.000.000 đồng/3 ngày tiền thuê nhà để tổ chức đánh bạc. Ngày 24/10/2019, V sử dụng 150.000 đồng để đánh bạc và cũng bị thua hết. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 74.010.000 đồng (trong đó: thu trên chiếu bạc số tiền 12.840.000 đồng, thu trong thùng tẩy số tiền 50.120.000 đồng, thu trên người các đối tượng số tiền dùng để đánh bạc 11.050.000 đồng).

Trong vụ án còn có Hoàng Hữu H đã có hành vi giúp sức cho Bùi Trắc D làm nhiệm vụ giam tiền tại chiếu bạc nhằm hưởng tiền công, hiện đang bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã, khi nào bắt được Hoàng Hữu H sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Đinh Thị H và Vương Thị T có mặt tại chiếu bạc nhưng không thực hiện hành vi đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với việc các bị cáo tổ chức đánh bạc trước ngày 24/10/2019, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ để kết luận về số người, số tiền tham gia đánh bạc nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau.

Đối với xe ô tô nhãn hiệu Hyundai County loại 29 chỗ ngồi mà bị cáo Nguyễn Văn N sử dụng vào việc đưa đón các con bạc thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, trú tại: thôn CL, xã CL, thị xã QY, tỉnh Quang Ninh; anh T không biết việc bị cáo Nguyễn Văn N thuê xe để chở các đối tượng đánh bạc. Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô trên cho anh Nguyễn Văn T.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS-P2 ngày 06/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố Bùi Trắc D, Trần Thị Ng và Nguyễn Văn N về tội tổ chức đánh bạc theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự; truy tố Phạm Thị V về tội gá bạc và tội đánh bạc theo điểm b, c khoản 1 Điều 322 và điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị X, Luyện Viết D, Trịnh Thị C, Đoàn Thị H, Nguyễn Văn M, Đỗ Văn T, Vũ Văn L, Trần Minh Đ, Phạm Đại N và Phạm Khắc Ph về tội Đánh bạc theo điểm b Khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải phòng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về các tội danh như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị:

*\* Đối với tội tổ chức đánh bạc:*

- Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 322, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với Bùi Trắc D. Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Trắc D: Từ 24 đến 30 tháng tù về tội tổ chức đánh bạc.

- Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 322; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn N. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N: Từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội tổ chức đánh bạc.

- Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 322; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với Trần Thị Ng. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị Ng: Từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội tổ chức đánh bạc.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 20 triệu đến 30 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

*\* Đối với tội gá bạc:*

Căn cứ các điểm b, c khoản 1 Điều 322, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Thị V. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị V từ 12 đến 18 tháng tù về tội gá bạc.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị V từ 20 triệu đến 30 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

*\* Đối với tội đánh bạc:*

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thị V. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị V từ 24 đến 30 tháng tù về tội đánh bạc.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Khắc Ph. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Khắc Ph từ 36 đến 42 tháng tù về tội đánh bạc.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn T. Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 30 đến 36 tháng tù về tội đánh bạc.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Đại N. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Đại N: 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321 và khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Luyện Viết D, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị O, Trần Minh Đ, Đoàn Thị H, Trịnh Thị C và Vũ Văn L. Đề nghị xử phạt các bị cáo mức án cụ thể như sau:

- + Luyện Viết D: từ 30 đến 36 tháng tù về tội đánh bạc nhưng cho hưởng án treo.
- + Nguyễn Văn M: từ 30 đến 36 tháng tù về tội đánh bạc nhưng cho hưởng án treo.
- + Nguyễn Thị X: từ 24 đến 30 tháng tù về tội đánh bạc nhưng cho hưởng án treo.
- + Nguyễn Thị Kim T: từ 24 đến 30 tháng tù đánh bạc nhưng cho hưởng án treo.
- + Nguyễn Thị O: từ 24 đến 30 tháng tù về tội đánh bạc nhưng cho hưởng án treo.
- + Trần Minh Đ: từ 24 đến 30 tháng tù về tội đánh bạc nhưng cho hưởng án treo.
- + Đoàn Thị H: từ 24 đến 30 tháng tù về tội đánh bạc nhưng cho hưởng án treo.
- + Trịnh Thị C: từ 24 đến 30 tháng tù về tội đánh bạc nhưng cho hưởng án treo.
- + Vũ Văn L: từ 24 đến 30 tháng tù về tội đánh bạc nhưng cho hưởng án treo.

Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền mỗi bị cáo trong nhóm tội “Đánh bạc” 10.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

*Về thu lợi bất chính và xử lý vật chứng:* Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo Phạm Thị V thay đổi lời khai: Do hoảng sợ nên trong giai đoạn điều tra bị cáo đã khai là dùng số tiền 9.000.000 đồng mà Bùi Trắc D trả tiền thuê nhà để đánh bạc và bị thua hết, nhưng thực tế bị cáo chỉ tham gia đánh bạc vào ngày 24/10/2019 và sử dụng số tiền cá nhân là 150.000 đồng để đánh bạc. Còn số tiền thuê nhà để tổ chức đánh bạc mà Bùi Trắc D trả cho bị cáo là 9.000.000 đồng thì bị cáo không sử dụng đánh bạc mà để chi tiêu vào việc chữa bệnh cho bị cáo. Ngày 24/10/2019, khi cơ quan Công an bắt quả tang các đối tượng đánh bạc tại nhà của bị cáo thì bị cáo chưa bị cơ quan Công an thu giữ số tiền 9.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **- Về tố tụng:**

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, người làm chứng đều vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; bị cáo Phạm Thị V từ chối Luật sư bào chữa cho bị cáo. Xét thấy, người làm chứng đã có đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

#### **- Về tội danh:**

[3] Xét thấy lời khai nhận tại phiên tòa của các bị cáo Bùi Trắc D, Trần Thị Ng, Nguyễn Văn N về hành vi tổ chức đánh bạc, lời khai của bị cáo Phạm Thị V về hành vi cho thuê địa điểm nhà ở để tổ chức đánh bạc và việc không sử dụng số tiền 9.000.000 đồng để đánh bạc, lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị X, Luyện Viết D, Trịnh Thị C, Đoàn Thị H, Nguyễn Văn M, Đỗ Văn T, Vũ Văn L, Trần Minh Đ, Phạm Đại N và Phạm Khắc Ph về hành vi đánh bạc đã bị bắt quả tang vào ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại nhà của Phạm Thị V, địa chỉ thôn NT, xã NL, huyện CH, thành phố Hải Phòng là phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 24/10/2019 tại thôn NT, xã NL, huyện CH, thành phố Hải Phòng; phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ căn cứ để xác định các bị cáo đã thực hiện những hành vi cụ thể như sau:

[4] Bị cáo Bùi Trắc D là người bỏ tiền ra lập thùng tẩy, thuê địa điểm, thuê bị cáo Trần Thị Ng làm công việc giam tiền khi đánh bạc, thuê bị cáo Nguyễn Văn N



lái xe chở các đối tượng đánh bạc đến nơi đánh bạc. Các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Văn N đã thực hiện các công việc được Bùi Trắc D giao. Hành vi của các bị cáo nhằm tổ chức cho các đối tượng đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền. Như vậy, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc được quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự.

[5] Bị cáo Phạm Thị V là người đã cho Bùi Trắc D thuê nhà ở làm nơi các đối tượng tập trung đánh bạc và bị cáo cũng trực tiếp tham gia đánh bạc. Tại phiên tòa, bị cáo khai số tiền tham gia đánh bạc là 150.000 đồng. Tại giai đoạn điều tra, do tâm lý lo sợ và không hiểu biết pháp luật nên khai đã dùng số tiền 9.000.000 đồng bị cáo Bùi Trắc D trả tiền thuê nhà tham gia đánh bạc và thua hết để không bị tịch thu số tiền này. Lời khai tại cơ quan điều tra là không chính xác. Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa là có cơ sở để chấp nhận và đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên chấp nhận và xác định số tiền bị cáo dùng để đánh bạc là 150.000 đồng. Như vậy, bị cáo đã có hành vi gá bạc và đánh bạc được quy định tại các Điều 322 và Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[6] Các bị cáo Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị X, Luyện Viết D, Trịnh Thị C, Đoàn Thị H, Nguyễn Văn M, Đỗ Văn T, Vũ Văn L, Trần Minh Đ, Phạm Đại N, Phạm Khắc Ph là những người trực tiếp tham gia đánh bạc với hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Như vậy các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc được quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo và vật chứng thu giữ đã xác định số lượng người tham gia đánh bạc là trên 10 người, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 74.010.000 đồng (*trong đó: thu trên chiếu bạc số tiền 12.840.000 đồng, thu trong thùng tẩy số tiền 50.120.000 đồng, thu trên người các đối tượng số tiền dùng để đánh bạc 11.050.000 đồng*). Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là trên 50.000.000 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận:

[8] Các bị cáo Bùi Trắc D, Trần Thị Ng, Nguyễn Văn N đồng phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

[9] Bị cáo Phạm Thị V đã phạm tội gá bạc theo quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 322 và tội đánh bạc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[10] Các bị cáo Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị X, Luyện Viết D, Trịnh Thị C, Đoàn Thị H, Nguyễn Văn M, Đỗ Văn T, Vũ Văn L, Trần Minh Đ, Phạm Đại N và Phạm Khắc Ph đồng phạm tội đánh bạc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố, kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Về vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo:

[11] Trong vụ án này, hành vi của các bị cáo đã thể hiện rõ vai trò của các bị cáo. Các bị cáo Bùi Trắc D, Trần Thị Ng, Nguyễn Văn N là những người tổ chức đánh bạc. Bị cáo Phạm Thị V có vai trò gá bạc và đánh bạc. Các bị cáo còn lại là những người trực tiếp đánh bạc.

[12] Trong nhóm các bị cáo đồng phạm tội tổ chức đánh bạc, bị cáo Bùi Trắc D có vai trò chính, là người chủ mưu, các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Văn N là người làm thuê cho bị cáo Bùi Trắc D nên có vai trò là người giúp sức. Vai trò của các bị cáo này thấp hơn bị cáo Bùi Trắc D.

[13] Trong nhóm các bị cáo phạm tội đánh bạc, các bị cáo đều là người trực tiếp tham gia đánh bạc, nên căn cứ vào số tiền các bị cáo đã sử dụng và việc đánh bạc để đánh giá mức độ phạm tội của các bị cáo. Bị cáo sử dụng số tiền cao hơn thì mức độ phạm tội và trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo sử dụng số tiền ít hơn vào việc đánh bạc.

*- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

[14] Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

*- Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[15] Các bị cáo Bùi Trắc D, Phạm Khắc Ph, Đỗ Văn T phạm tội lần này trong khi nhân thân đã từng có tiền án, tiền sự, cụ thể: Bị cáo Bùi Trắc D có 01 tiền án tại Bản án số 07/2013/HSPT ngày 10/01/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tổ chức đánh bạc”. Bị cáo Phạm Khắc Ph có 02 tiền án tại Bản án số 64/STHS ngày 19/3/1996 bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 02 năm tù về tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và tại Bản án số 13/2017/STHS ngày 08/5/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng 02 ngày tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo Đỗ Văn T có 04 tiền sự về hành vi đánh bạc, gá bạc: ngày 24/7/2008, ngày 22/12/2012, ngày 13/12/2013 và ngày 29/3/2016 đều bị Công an huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, gá bạc. Mặc dù các bị cáo đều đã được xóa án tích và hết thời hạn được coi như chưa bị xử phạt hành chính nhưng những lần vi phạm này của các bị cáo đều về hành vi đánh bạc, gá bạc và tổ chức đánh bạc nên có thể nói các bị cáo là những người có nhân thân xấu, ý thức chấp hành pháp luật kém.

[16] Bị cáo Phạm Đại N phạm tội lần này trong khi nhân thân cũng đã có 01 tiền án tại Bản án số 697/2010/HSPT ngày 28/12/2010 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã được xóa án tích.

[17] Các bị cáo Phạm Thị V, Trần Thị Ng, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị X, Luyện Viết D, Trịnh Thị C, Đoàn Thị H, Nguyễn Văn M, Đỗ Văn T, Vũ Văn L và Trần Minh Đ đều phạm tội lần đầu, số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc nhỏ (đều dưới 5.000.000 đồng) nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự về hành vi đánh bạc. Các bị cáo trong vụ án đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[18] Bị cáo Phạm Đại N có bố đẻ là người tham gia hoạt động kháng chiến, có công với cách mạng và bị nhiễm chất độc hóa học; bị cáo Đỗ Văn T và bị cáo Luyện Viết D đã có thời gian phục vụ trong quân đội. Vì vậy, các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

*- Về hình phạt:*

[19] Các bị cáo Bùi Trắc D, Phạm Khắc Ph, Đỗ Văn T là những người có nhân thân xấu; các bị cáo Bùi Trắc D và Phạm Thị V còn là người có vai trò chính; bị cáo V phạm hai tội nên cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[20] Các bị cáo Phạm Thị V, Đỗ Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc ít hơn so với một số bị cáo khác nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[21] Bị cáo Phạm Đại N phạm tội lần này trong khi nhân thân đã có 01 tiền án tại Bản án số 697/2010/HSPT ngày 28/12/2010 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Xét thấy bị cáo đã được xóa án tích, thời gian tính từ ngày được xóa án tích đến khi phạm tội đã lâu. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo có đủ các điều kiện để cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[22] Các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị X, Luyện Viết D, Trịnh Thị C, Đoàn Thị H, Nguyễn Văn M, Vũ Văn L và Trần Minh Đ đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng; hành vi phạm tội có mức độ, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc nhỏ nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để các bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

*- Về hình phạt bổ sung:*

[23] Xét thấy bị cáo Bùi Trắc D và bị cáo Phạm Thị V có vai trò chính, là người tổ chức đánh bạc và gá bạc nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định khoản 3 Điều 322 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[24] Xét các bị cáo còn lại trong vụ án đều có hoàn cảnh khó khăn nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*- Về xử lý vật chứng và khoản thu lợi bất chính:*

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, vật chứng của vụ án đã thu giữ và các khoản thu lợi bất chính được xử lý như sau:

[25] Đối với số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 74.010.000 đồng cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[26] Bị cáo Phạm Thị V đã nhận số tiền do Bùi Trắc D thuê nhà để tổ chức đánh bạc là 9.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn N đã nhận số tiền công là 2.000.000 đồng do Bùi Trắc D thuê trả để chở người đánh bạc. Bị cáo Trần Thị Ng đã nhận số tiền 600.000 đồng do Bùi Trắc D thuê để giúp Bùi Trắc D tổ chức đánh bạc. Đây là tiền thu lợi bất chính của các bị cáo nên cần buộc các bị cáo phải nộp lại để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[27] Đối với số tiền 13.500.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị Kim T, Phạm Đại N, cụ thể: thu của Trần Thị Ng số tiền 1.000.000 đồng; Nguyễn Văn N số tiền 1.000.000 đồng; Nguyễn Thị Kim T số tiền 1.550.000 đồng; Phạm Đại N số tiền 10.000.000 đồng. Đây là tài sản riêng của các bị cáo, không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo, nhưng tiếp tục tạm giữ số tiền này để bảo đảm cho việc thi hành án.

[28] Đối với điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG vỏ màu hồng đã qua sử dụng số IMEI: 356018071724993 gắn sim điện thoại số 8984048008818516980 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị X. Điện thoại này không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị X.

[29] Đối với điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE vỏ màu trắng đã qua sử dụng số IMEI: 352083078747516 gắn sim điện thoại số 8401181224068397 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu xanh đã qua sử dụng số IMEI1: 352898104347241, IMEI2: 352898105347240 lắp Sim điện thoại số 8984050918 và 1192287313 thu giữ của bị cáo Phạm Đại N. Các điện thoại này không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo Phạm Đại N.

[30] Đối với điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đen đã qua sử dụng số IMEI1: 355902053709000; IMEI2: 355902053709018 gắn Sim điện thoại số 8984048000041243860 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu vàng đã qua sử dụng số IMEI: 358645011319373 thu giữ của bị cáo Trần Minh Đ. Các điện thoại này không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo Trần Minh Đ.

[31] Đối với 01 bộ bát đĩa sứ bị vỡ, 04 quân vị hình tròn cắt từ quân bài tứ lơ khơ, 01 thùng tôn, 01 tấm thảm bằng vải màu đỏ hình chữ nhật, 10 ghế nhựa sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[32] Đối với xe ô tô nhãn hiệu Hyundai County loại 29 chỗ ngồi mà bị cáo Nguyễn Văn N sử dụng vào việc đưa đón các con bạc thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, trú tại: thôn CL, xã CL, thị xã QY, tỉnh Quang Ninh; anh T không biết việc bị cáo Nguyễn Văn N thuê xe để chở các đối tượng đánh bạc. Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô trên cho anh Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí:

[33] Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 322, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Trắc D

Xử phạt bị cáo Bùi Trắc D: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 24/10/2019.

Phạt bị cáo Bùi Trắc D 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 322; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N: 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân xã Cẩm La, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Văn N ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không còn bị giam giữ về tội nào khác.

- Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 322; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị N.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Ng: 18 (Mười tám) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Thị Ng cho Ủy ban nhân dân xã Yên Thọ (nay là phường Yên Thọ), thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm b và c khoản 1 Điều 322, khoản 3 Điều 322; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Thị V.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị V: 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Gá bạc” và 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt buộc Phạm Thị V phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/10/2019 đến ngày 01/11/2019 là 09 (Chín) ngày.

Tiếp tục thực hiện biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với bị cáo Phạm Thị V kể từ ngày tuyên án cho đến ngày bắt giam thi hành án.

Phạt tiền bị cáo Phạm Thị V số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Khắc Ph.

Xử phạt bị cáo Phạm Khắc Ph: 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 24/10/2019.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn T.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 24/10/2019.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Đại N.

Xử phạt bị cáo Phạm Đại N: 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Đại N cho Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Luyện Viết D.

Xử phạt bị cáo Luyện Viết D: 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Luyện Viết D cho Ủy ban nhân dân xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M: 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị X.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị X cho Ủy ban nhân dân thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị O.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị O: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị O cho Ủy ban nhân dân xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Thị O ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam giữ về tội nào khác.

*- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T.*

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Kim T cho Ủy ban nhân dân phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Minh Đ.*

Xử phạt bị cáo Trần Minh Đ: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Minh Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trả tự do cho bị cáo Trần Minh Đ ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam giữ về tội nào khác.

*- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn Thị H*

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị H: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đoàn Thị H cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

*- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Thị C*

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị C: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trịnh Thị C cho Ủy ban nhân dân phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình đối với bị cáo Vũ Văn L.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn L: 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vũ Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Sông Khoai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trả tự do cho bị cáo Vũ Văn L ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam giữ về tội nào khác.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với các bị cáo Trần Thị Ng, Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị X, Luyện Viết D, Trịnh Thị C, Đoàn Thị H, Nguyễn Văn M, Phạm Đại N kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

Buộc bị cáo Phạm Thị V phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 9.000.000đ (Chín triệu đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Thị Ng phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 74.010.000đ (Bảy mươi tư triệu không trăm mười nghìn đồng).

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bộ bát đĩa sứ bị vỡ; 04 quân vị hình tròn cắt từ quân bài tú lơ khơ; 01 thùng tôn; 01 tấm thảm bằng vải màu đỏ hình chữ nhật; 10 ghế nhựa (Đặc điểm chi tiết của các đồ vật nêu trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/02/2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

Trả lại các bị cáo tổng số tiền không dùng vào việc đánh bạc đã thu giữ là 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án khoản tiền án phí và tiền thu lợi bất chính các bị cáo phải nộp để tịch thu sung quỹ Nhà nước, cụ thể như sau:

- Trả lại bị cáo Trần Thị Ng số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng).



- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Kim T số tiền 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại bị cáo Phạm Đại N số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

(Tổng số tiền thu giữ trong vụ án hiện đang do Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng quản lý tại Biên lai thu tiền số 0004051 ngày 06/02/2020 tại Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng là 87.510.000 đồng).

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị X: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG vỏ màu hồng đã qua sử dụng có số IMEI: 356018071724993 gắn sim điện thoại có số 8984048008818516980.

- Trả lại bị cáo Phạm Đại N gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE vỏ màu trắng đã qua sử dụng có số IMEI: 352083078747516 gắn sim điện thoại số 8401181224068397; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu xanh đã qua sử dụng có số IMEI1: 352898104347241, IMEI2: 352898105347240 lắp Sim điện thoại có số 8984050918 và 1192287313.

- Trả lại bị cáo Trần Minh Đ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu đen đã qua sử dụng có số IMEI1: 355902053709000; IMEI1: 355902053709018 lắp Sim điện thoại số 8984048000041243860; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu vàng đã qua sử dụng có số IMEI: 358645011319373.

- Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ 1 Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hải Phòng;
- Phòng PV06 Công an TP. Hải Phòng;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đức Lập**